

BỘ QUỐC PHÒNG-BỘ
CÔNG AN-BỘ LAO
ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

Số: 270/2003/TTLT/BQP-
BCA-BLĐTBOXH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 7 tháng 11 năm 2003

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện một số điểm Nghị định số 89/2003/NĐ-CP

ngày 5 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân và Công an nhân dân ban hành kèm theo

Nghị định số 45/CP ngày 15 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ

Thi hành Nghị định số 89/2003/NĐ-CP ngày 5/8/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân và Công an nhân dân ban hành kèm theo Nghị định số 45/CP ngày 15/7/1995 của Chính phủ (gọi tắt là Điều lệ BHXH đối với quân nhân, công an nhân dân), sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính (tại công văn số 11265/TC-HCSN ngày 29/10/2003), Bộ Quốc phòng - Công an - Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điểm như sau:

I. Các chế độ bảo hiểm xã hội được hưởng

1. Chế độ trợ cấp ốm đau theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 89/2003/NĐ-CP như sau:

Quân nhân, công an nhân dân có con (kể cả con nuôi theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình) dưới 7 tuổi bị ốm đau, có xác nhận của tổ chức y tế do Bộ Y tế quy định, phải nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau, thì được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội. Những trường hợp con bị ốm đau mà cả bố và mẹ đều tham gia bảo hiểm xã hội thì chỉ một người được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội trong thời gian nghỉ việc để

chăm sóc con ốm đau. Thời gian tối đa được hưởng trợ cấp để chăm sóc con ốm đau như sau:

- 20 ngày trong một năm, đối với con dưới 3 tuổi;
- 15 ngày trong một năm, đối với con từ 3 tuổi đến dưới 7 tuổi.

2. Chế độ trợ cấp thai sản quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 89/2003/NĐ-CP như sau:

Nữ quân nhân, nữ công an nhân dân khi có thai, sinh con (không phân biệt số lần sinh con) thì thời gian nghỉ việc theo quy định tại các Điều 9, 10 Điều lệ bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân được hưởng trợ cấp thai sản.

3. Cách tính tỉ lệ % lương hưu hàng tháng quy định tại điểm 1 Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 89/2003/NĐ-CP như sau:

a. Nam quân nhân, công an nhân dân có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm thì được tính bằng 45% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội; sau đó, từ năm thứ 16 trở đi, cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 2%. Mức lương hưu hàng tháng tối đa bằng 75% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 1: Đ/c Đặng Văn Trung, thiếu tá, có 27 năm tuổi quân và được nghỉ hưu từ tháng 9/2003, cách tính tỉ lệ % lương hưu như sau:

+ Đủ 15 năm: 45%.

+ Từ năm thứ 16 đến năm thứ 27 (12 năm): $2\% \times 12 (\text{năm}) = 24\%$.

+ Tỉ lệ % để tính lương hưu hàng tháng của đồng chí Trung là: $45\% + 24\% = 69\%$.

b. Nữ quân nhân, công an nhân dân có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm thì được tính bằng 45% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội; sau đó, từ năm thứ 16 trở đi, cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 3%. Mức lương hưu hàng tháng tối đa bằng 75% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 2: Đ/c Nguyễn Thị Hoa, đại úy quân nhân chuyên nghiệp, có 25 năm tuổi quân và được nghỉ hưu từ tháng 3 năm 2003, cách tính tỉ lệ % lương hưu như sau:

+ Đủ 15 năm: 45%.

+ Từ năm thứ 16 đến năm thứ 25 (10 năm): $3\% \times 10 (\text{năm}) = 30\%$.

+ Tỷ lệ % để tính lương hưu hàng tháng của đồng chí Hoa là: $45\% + 30\% = 75\%$.

4. Cách tính mức lương hưu thấp hơn theo quy định tại điểm 2 Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 89/2003/NĐ-CP như sau:

a. Quân nhân, công an nhân dân hưởng chế độ hưu trí hàng tháng với mức lương hưu thấp theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 24 Điều lệ bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân thì cách tính lương hưu như quy định tại điểm 3 nêu trên, nhưng cứ mỗi năm nghỉ việc hưởng lương hưu trước tuổi so với quy định tại các khoản 1, 2, 3, Điều 23 Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân thì giảm đi 1% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 3: Đ/c Trần Văn An, 51 tuổi, có 26 năm đóng bảo hiểm xã hội, không đủ điều kiện nghỉ hưu theo khoản 4 Điều 23 Điều lệ bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân, bị suy giảm khả năng lao động 61%, nghỉ hưu tháng 7/2003, cách tính tỷ lệ % lương hưu như sau:

+ 26 năm đóng bảo hiểm xã hội tính bằng 67%.

+ Tỷ lệ % tính giảm do nghỉ hưu trước tuổi 55 theo quy định trên: $(55 \text{ tuổi} - 51 \text{ tuổi}) \times 1\% = 4\%$

+ Tỷ lệ % tính lương hưu hàng tháng của đồng chí An là: $67\% - 4\% = 63\%$

b. Quân nhân, công an nhân dân nam đủ 50 tuổi trở lên đến dưới 55 tuổi, nữ đủ 45 tuổi trở lên đến dưới 50 tuổi và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 30 năm trở lên thì được hưởng lương hưu như cách tính quy định tại điểm 3 nêu trên, nhưng mỗi năm nghỉ việc hưởng lương hưu trước tuổi so với quy định tại Khoản 1 Điều 3 Điều lệ bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân không phải giảm 1% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 4: Đồng chí Trần Văn Duy, thiếu tá công an, có 50 năm 5 tháng tuổi đời và 30 năm tham gia bảo hiểm xã hội, nghỉ hưu tháng 7 năm 2003; cách tính tỷ lệ % lương hưu như sau:

+ Đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội tính bằng 45%.

+ Từ năm thứ 16 đến năm thứ 30 (15 năm): $2\% \times 15 (\text{năm}) = 30\%$.

$45\% + 30\% = 75\%$.

+ Theo quy định tại tiết b điểm 4 trên, đồng chí Duy không bị trừ tỉ lệ % so với tuổi 55 Quy định tại Khoản 1 Điều 3 Điều lệ bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân vì đã có đủ 30 năm đóng bảo hiểm xã hội. Do đó, tỉ lệ % để tính lương hưu hàng tháng của đồng chí Duy là 75%.

c. Quân nhân, công an nhân dân nghỉ hưu hưởng mức lương hưu thấp hơn quy định tại khoản 1, 2 Điều 24 Điều lệ bảo hiểm xã hội đối với quân nhân, công an nhân dân, nếu có thời gian đóng bảo hiểm xã hội hoặc thời gian công tác trước khi Điều lệ bảo hiểm xã hội có hiệu lực thi hành được coi như đã đóng bảo hiểm xã hội trước 16 tuổi, thì số năm công tác trước 16 tuổi, được tính mỗi năm bằng 2% đối với nam, 3% đối với nữ mức bình quân của tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội để khấu trừ vào tổng số tỉ lệ % mức lương hưu phải giảm do nghỉ hưu trước tuổi, nhưng số khấu trừ nhiều nhất cũng chỉ bằng tỉ lệ % mức lương hưu phải giảm do nghỉ hưu trước tuổi.

5. Cách tính trợ cấp một lần khi nghỉ hưu quy định tại điểm 3 Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 89/003/NĐ-CP như sau:

Ngoài lương hưu hàng tháng, nam quân nhân, công an nhân dân có thời gian đóng bảo hiểm xã hội trên 30 năm, nữ quân nhân, công an nhân dân có thời gian đóng bảo hiểm xã hội trên 25 năm, khi nghỉ hưu được trợ cấp một lần theo cách tính như sau: từ năm thứ 31 trở lên đối với nam quân nhân, công an nhân dân, từ năm thứ 26 trở lên đối với nữ quân nhân, công an nhân dân, mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được nhận một nửa ($1/2$) tháng mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, nhưng tối đa không quá 5 tháng.

Ví dụ 5: Đ/c Đỗ Thị Liên, trung tá, 36 năm đóng bảo hiểm xã hội, được nghỉ hưu tháng 6 năm 2003; trợ cấp một lần khi nghỉ hưu tính như sau:

Từ năm thứ 26 đến năm thứ 36 (11 năm): $0,5 \text{ tháng lương} \times 11 (\text{năm}) = 5,5 \text{ tháng lương}$, nhưng tối đa chỉ bằng 5 tháng; do đó, đồng chí Liên chỉ được hưởng trợ cấp một lần bằng 5 tháng lương bình quân làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

6. Cách tính mức bình quân tiền lương tháng làm cơ sở tính lương hưu quy định tại điểm 2 Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 89/2003/NĐ-CP như sau:

Quân nhân, công an nhân dân đã có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm trở lên theo các mức tiền lương thuộc nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (theo danh mục nghề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành) mà chuyển sang làm công việc khác đóng bảo hiểm xã hội theo mức lương thấp hơn, có mức lương bình quân 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu thấp hơn mức lương bình quân 5 năm liên tục làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, thì khi nghỉ hưu được lấy các mức lương bình quân đóng bảo hiểm xã hội cao nhất của 5 năm liền kề làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm để làm cơ sở tính hưởng lương hưu.

Ví dụ 6: Đồng chí Nguyễn Thị Đức, có 25 năm 3 tháng tham gia bảo hiểm xã hội và phục vụ trong quân đội, trong đó có 12 tuổi quân (thâm niên 12%) và có 15 năm 6 tháng làm nghề nặng nhọc, độc hại (sửa chữa vũ khí), nghỉ hưu từ tháng 8 năm 2003, khi nghỉ hưu là đại úy quân nhân chuyên nghiệp, nhân viên văn thư. Đồng chí Đức có mức lương bình quân đóng bảo hiểm xã hội cao nhất của 5 năm liền kề làm nghề nặng nhọc, độc hại là 1.050.000 đ và có mức bình quân đóng bảo hiểm xã hội của 5 năm cuối trước khi nghỉ hưu là 920.000 đ. Do đó, đồng chí Đức được lấy mức lương 1.050.000 đ để làm cơ sở tính lương hưu.

7. Cách tính mức bình quân tiền lương tháng làm cơ sở tính lương hưu quy định tại điểm 3 Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 89/2003/NĐ-CP:

Công an nhân dân có đủ 20 thâm niên trở lên, theo yêu cầu của tổ chức, chuyển sang công tác tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể ngoài lực lượng công an, nếu khi nghỉ hưu có mức lương thấp hơn mức lương khi đang tại ngũ thì được lấy mức lương đóng bảo hiểm xã hội của 5 năm cuối cùng trước khi chuyển ra ngoài lực lượng Công an để làm cơ sở tính lương hưu.

Ví dụ 7: Đồng chí Phạm Văn Đại, thiếu tá công an, có 22 thâm niên, chuyển ngành ra Thanh tra Nhà nước tỉnh Hà Tây từ năm 1993, có mức lương bình quân 5 năm cuối trước khi chuyển ngành là 1.700.000 đ/tháng (tính theo mức tiền lương tối thiểu tại